

Bản án số: **1588/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 30-11-2017

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Hòa.

Ông Nguyễn Tùng.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Hồ Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án  
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 414/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2550/2017/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017; Giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

Ông Sý Anh C, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: đường A, phường B, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện đang cư trú tại: H Street, C, NSW 2166, Australia.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Bùi Duy T, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường D, phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền ngày 12 tháng 7 năm 2017)

**Bị đơn:**

Bà Phạm Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: đường H, phường I, quận K, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2017 và bản tự khai ngày 04 tháng 10 năm 2017 lập tại Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Australia, nguyên đơn Ông Sỳ Anh C trình bày:*

Ông và bà Phạm Võ Thị Tuyết M quen biết và tự nguyện kết hôn ngày 02 tháng 12 năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/KH quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường L, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng ông phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm về nhiều mặt, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện tại, cuộc sống mỗi người một nơi dẫn đến tình cảm phai nhạt. Nay nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, ông khởi kiện yêu cầu được ly hôn bà Phạm Võ Thị Tuyết M.

Ngày 19 tháng 10 năm 2017, ông Bùi Duy T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có văn bản cung cấp thông tin cho Tòa án xác định ngày Ông Sỳ Anh C và bà Phạm Võ Thị Tuyết M đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn là ngày 14 tháng 3 năm 2005.

Về con chung: Ông và bà Phạm Võ Thị Tuyết M có 01 người con chung là trẻ Sỳ Phạm Mộc N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009. Ông đồng ý giao con chung cho bà Phạm Võ Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 19 tháng 10 năm 2017, bị đơn bà Phạm Võ Thị Tuyết M trình bày:*

Bà và Ông Sỳ Anh C tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 55/KH quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường L, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cả hai đều có tình cảm với người khác. Mặc dù hai người đã nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2014 đến nay bà và Ông C đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Ông Sỳ Anh C khởi kiện yêu cầu ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Sỳ Phạm Mộc N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009 và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng mà Ông C đưa ra.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ

quy định pháp luật về tổ tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; trước khi mở phiên tòa các đương sự đã có đơn xin vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn ở mức độ trầm trọng, hiện tại hai người đã không còn chung sống với nhau, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận phương án mà các đương sự thống nhất là giao con chung cho bà Phạm Võ Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, Ông Sỳ Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng 5.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cùng lời trình bày của các đương sự tại bản khai có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Nguyên đơn trong vụ án là Ông Sỳ Anh C hiện đang cư trú tại Australia. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên và bị đơn có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Xét, yêu cầu và ý kiến của đương sự đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

#### **[2] Về nội dung:**

Căn cứ các bản tự khai của đương sự và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55/KH quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường L, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa Ông Sỳ Anh C với bà Phạm Võ Thị Tuyết M được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn, giữa vợ chồng ông không có sự thấu hiểu, luôn tồn tại những bất đồng về quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn phát sinh và ngày càng trầm trọng. Do vợ chồng

sống ly thân và xa cách đã lâu nên không có cơ hội hòa giải, tình cảm vợ chồng cũng dần phai nhạt. Ông khởi kiện yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với bà Phạm Võ Thị Tuyết M để mỗi người ổn định cuộc sống riêng.

Bị đơn bà Phạm Võ Thị Tuyết M xác nhận giữa vợ chồng bà có mâu thuẫn, mỗi người đã có cuộc sống riêng của mình. Bà đồng ý ly hôn với nguyên đơn Ông Sỳ Anh C.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại cuộc sống hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã mâu thuẫn trong thời gian dài mà không thể giải quyết, hai người không còn chung sống, mỗi người đều xác nhận vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Xuất phát từ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và được sự đồng ý của bị đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm xét thấy có cơ sở để giải quyết cho Ông Sỳ Anh C được ly hôn với bà Phạm Võ Thị Tuyết M.

Về con chung: Các đương sự trình bày giữa hai người có 01 con chung là trẻ Sỳ Phạm Mộc N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009. Nguyên đơn và bị đơn cùng đồng ý giao con chung cho bà Phạm Võ Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Sỳ Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000 đồng/tháng đến khi con chung trưởng thành. Xét, thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi nên được chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Ông Sỳ Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn.

Do các đương sự thống nhất được mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên người có nghĩa vụ cấp dưỡng là Ông Sỳ Anh C phải chịu 50% mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, các điều 147, 227, 228, 238, 273 và Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ông Sỳ Anh C:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Sỳ Anh C được ly hôn với bà Phạm Võ Thị Tuyết M.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 55/KH quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân Phường L, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 3 năm 2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung là trẻ Sỳ Phạm Mộc N, giới tính: Nữ, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2009 cho bà Phạm Võ Thị Tuyết M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Sỳ Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 5.000.000 đồng đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã được ghi nhận trong bản án này thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Sỳ Anh C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện tranh chấp ly hôn, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số 0047616 ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, Ông Sỳ Anh C đã thi hành xong án phí sơ thẩm về phần này.

Ông Sỳ Anh C phải chịu 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng, nộp tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ở nước ngoài có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật; Bị đơn có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự

phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Phường L, quận C, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN –  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Hòa**

**Nguyễn Tùng**

**Nguyễn Văn Tuấn**